

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 06/09/2025 CẢ CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.6925-001	Nguyễn Thị An	01.11.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
2	GCN.6925-002	I Komang Ary Ananta	27.12.2004	Nam	Indonesian	Bali-Indonesia
3	GCN.6925-003	Trần Minh Anh	01.10.2001	Nam	Kinh	Nam Định
4	GCN.6925-004	Trương Kiều Anh	18.08.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
5	DNĐ.6925-005	Vũ Phương Anh	26.10.1991	Nữ	Kinh	Hà Nội
6	GCN.6925-006	Cumbane da Gilda Vasco Benilde	03.07.2005	Nữ	Mozambique	Maputo
7	GCN.6925-007	Trần văn Cảnh	03.09.2000	Nam	Kinh	Hưng yên
8	GCN.6925-008	Nguyễn Xuân Cơ	08.03.1997	Nam	Kinh	Thanh Hoá
9	GCN.6925-009	Nguyễn Văn Cương	24.11.1998	Nam	Kinh	Ninh Bình
10	GCN.6925-010	Đặng Việt Cường	22.01.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.6925-011	Nguyễn Văn Cường	23.12.2000	Nam	Kinh	Thái nguyên
12	GCN.6925-012	Dương Thị Chi	02.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	DNĐ.6925-013	Vũ Khánh Chi	02.03.1985	Nữ	Kinh	Hà Nội
14	GCN.6925-014	Nguyễn Đình Chiến	30.09.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN.6925-015	Trần Quang Chiến	23.12.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.6925-016	Dương Văn Dũng	08.02.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.6925-017	Mai Ngọc Duy	24.07.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
18	GCN.6925-018	Hoàng Thị Thu Duyên	08.07.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
19	GCN.6925-019	Nguyễn Hoàng Dương	10.10.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.6925-020	Phạm Văn Đạt	15.05.1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN.6925-021	Phạm Văn Điệp	28.12.2000	Nam	Kinh	Nam Định
22	GCN.6925-022	Nguyễn Văn Đông	08.07.1999	Nam	Dao	Thái Nguyên
23	GCN.6925-023	Ninh Hồng Đức	08.02.1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN.6925-024	Dương Thị Hương Giang	17.01.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN.6925-025	Ngô Thị Hà	24.07.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	DNĐ.6925-026	Phạm Hoàng Hà	11.12.2000	Nam	Kinh	Hòa Bình
27	GCN.6925-027	Lê Thị Thu Hiền	29.10.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	DNĐ.6925-028	Bùi Duy Hiệp	06.06.1999	Nam	Kinh	Hưng Yên
29	GCN.6925-029	Dương Ngọc Hiếu	11.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Kạn
30	GCN.6925-030	Đồng Trung Hiếu	01.02.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN.6925-031	Lý Thị Quỳnh Hoa	02.11.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
32	GCN.6925-032	Nguyễn Thị Huế	18.12.2003	Nữ	Tày	Bắc Giang

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 06/09/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.6925-033	Nguyễn Anh Huy	12.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	DNĐ.6925-034	Hà Thị Hương	06.10.1985	Nữ	Kinh	Hưng Yên
3	DNĐ.6925-035	Phạm Thu Hương	10.04.1996	Nữ	Kinh	Hải Phòng
4	GCN.6925-036	Vũ Duy Hưởng	07.02.1997	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
5	GCN.6925-037	Lương Xuân Khang	06.08.1999	Nam	Kinh	Thanh hóa
6	GCN.6925-038	Đinh Ngọc Khánh	19.01.2001	Nam	Kinh	Tuyên Quang
7	DNĐ.6925-039	Nguyễn Thị Mai Lan	18.07.1983	Nữ	Kinh	Nam Định
8	GCN.6925-040	Nguyễn Quang Linh	21.01.1999	Nam	Kinh	Vĩnh phúc
9	GCN.6925-041	Phạm Mai Linh	03.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	DNĐ.6925-042	Phạm Thị Loan	19.08.1978	Nữ	Kinh	Ninh Bình
11	GCN.6925-043	Đàm Hải Long	30.09.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	DNĐ.6925-044	Phùng Thị Thanh Ly	27.08.1997	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
13	GCN.6925-045	Nguyễn Thanh Mạnh	05.09.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	DNĐ.6925-046	Lê Hoàng Minh	26.11.1996	Nam	Kinh	Nam Định
15	GCN.6925-047	Phạm Công Minh	18.12.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.6925-048	Sùng A Minh	05.08.2000	Nam	H'Mông	Điện Biên
17	GCN.6925-049	Nguyễn Công Nam	18.03.1997	Nam	Kinh	Nghe An
18	GCN.6925-050	Nguyễn Phương Nam	04.06.1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
19	DNĐ.6925-051	Đinh Thị Nụ	28.10.1981	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
20	DNĐ.6925-052	Vũ Thị Thúy Nga	01.06.1991	Nữ	Kinh	Son La
21	GCN.6925-053	Lê Thị Bích Ngọc	02.07.1980	Nữ	Kinh	Hà Nội
22	DNĐ.6925-054	Nguyễn Bảo Ngọc	09.10.1989	Nữ	Kinh	Nam Định
23	GCN.6925-055	Dương Thị Nguyệt	25.04.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN.6925-056	Nguyễn Thị Nhung	01.09.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
25	GCN.6925-057	Nguyễn Đình Pháp	23.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.6925-058	Nguyễn Trọng Phi	16.01.1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.6925-059	Đỗ Hồng Phong	14.01.1997	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
28	GCN.6925-060	Nguyễn Đình Phụng	16.01.1998	Nam	Kinh	Tuyên Quang
29	DNĐ.6925-061	Nguyễn Thị Phương	26.04.2001	Nữ	Kinh	Thái Bình
30	DNĐ.6925-062	Tòng Thị Phương	12.02.1995	Nữ	Thái	Son La
31	DNĐ.6925-063	Trần Thị Phương	20.10.1985	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
32	GCN.6925-064	Nguyễn Viết Quỳnh	17.06.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 06/09/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.6925-065	Lương Nguyễn Hoàng Sơn	13.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
2	GCN.6925-066	Diêm Công Tài	29.10.2006	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN.6925-067	Hoàng Thị Thanh Tâm	18.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN.6925-068	Giàng A Tênh	30.07.2003	Nam	Mông	Lai Châu
5	GCN.6925-069	Phan Anh Tuấn	01.10.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN.6925-070	Dương Xuân Tùng	30.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN.6925-071	Nguyễn Văn Tùng	21.08.1997	Nam	Ngái	Thái Nguyên
8	GCN.6925-072	Nguyễn Đức Tuyên	01.08.1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	DNĐ.6925-073	Nguyễn Nữ Kim Tuyền	21.04.1984	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.6925-074	Lê Văn Tuyền	18.08.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
11	GCN.6925-075	Nguyễn Huy Thái	03.11.2003	Nam	Kinh	Yên Bái
12	GCN.6925-076	Lý A Thảng	19.12.1996	Nam	Hmong	Yên Bái
13	GCN.6925-077	Nguyễn Linh Thảo	28.10.1995	Nữ	Kinh	Yên Bái
14	DNĐ.6925-078	Trần Phương Thảo	25.10.1995	Nữ	Tày	Sơn La
15	GCN.6925-079	Mai Quyết Thắng	17.08.1994	Nam	Kinh	Ninh Bình
16	GCN.6925-080	Vi Sĩ Thiên	11.11.1997	Nam	Nùng	Thái Nguyên
17	GCN.6925-081	Đinh Thị Thiều	17.02.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
18	GCN.6925-082	Nguyễn Văn Thịnh	16.02.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN.6925-083	Nguyễn Đức Thuận	12.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.6925-084	Phạm Thị Thanh Thuý	10.08.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
21	DNĐ.6925-085	Nguyễn Thị Minh Thùy	05.02.1998	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
22	GCN.6925-086	Dương Thành Trung	04.10.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN.6925-087	Bạc Cầm Trường	08.10.2003	Nam	Thái	Sơn La
24	GCN.6925-088	Đồng Quang Trường	27.06.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
25	GCN.6925-089	Hà Xuân Trường	12.08.1996	Nam	Kinh	Tuyên Quang
26	GCN.6925-090	Nguyễn Văn Văn	24.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	DNĐ.6925-091	Nguyễn Thị Kiều Vân	13.03.1985	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	GCN.6925-092	Nguyễn Khắc Việt	05.04.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.6925-093	Nguyễn Thế Việt	11.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN.6925-094	Ngô Quang Vũ	08.01.1997	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	DNĐ.6925-095	Ngô Thị Vui	18.08.1986	Nữ	Kinh	Hà Nội
32	GCN.6925-096	Bàn Quý Vượng	24.01.2000	Nam	Dao	Bắc Kạn

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 06/09/2025 CA: CHIỀU PHÒNG THI: 04 MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	PHAP.6925-001	Vi Tạ Quỳnh Anh	25.07.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
2	PHAP.6925-002	Vi Thị Quỳnh Anh	13.09.2003	Nữ	Nùng	Bắc Kạn
3	PHAP.6925-003	Đào Thiên Long	18.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	PHAP.6925-004	Đặng Thị Nhung	18.03.2001	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
5	PHAP.6925-005	Phạm Đình Phúc	06.02.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
6	PHAP.6925-006	Bùi Mai Phương	29.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	PHAP.6925-007	Đào Tường Vy	12.06.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 07 thí sinh./.